

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 2006

Địa chỉ: Xóm B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Hoàng Tiến D, sinh năm: 2005.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Hoàng Tiến D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Hoàng Tiến D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Tiến D có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trương Thị Thu H1, sinh ngày 13/10/2023 cho đến khi con chung Trương Thị Thu H1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Tiến D không yêu cầu chị Trương Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Hoàng Tiến D không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Hoàng Tiến D không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Trương Thị H tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000581 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn lại cho chị Trương Thị H số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV6;
- UBND xã Chợ Mới, Thái Nguyên
(Nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Vang